TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN
------- ------

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày: 04/01/2018.
V/v :" Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------- ---------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Minh Huệ**

2. Ông **Võ Đức Hơn**

***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L** tham gia phiên tòa:* Bà **Trịnh Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử công khai vụ án thụ lý số: 121/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Ngọc Kiều D**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số 734 Thống Nhất, khu phố 8, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Phúc Chín S**, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Số 79[1]/14/24 Hoàng Hoa Thám, khu phố 1, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Phan Thị Anh T**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Số 734 Thống Nhất, khu phố 8, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01.6.2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, anh Vũ Ngọc Kiều D - nguyên đơn trình bày:

Giữa anh Vũ Ngọc Kiều D và anh Nguyễn Phúc Chín S có thỏa thuận làm ăn chung về việc cho vay tiền góp, cụ thể là nếu có người hỏi cho vay góp thì anh S gặp anh D lấy tiền cho vay lại nhưng anh S phải lập hợp đồng với người có nhu cầu vay và tự thu tiền đưa lại cho anh D. Tuy nhiên, anh S không làm hợp đồng để đưa lại cho anh D nên hai bên không tiếp tục làm ăn chung. Vì vậy, anh D và anh Nguyễn Phúc Chín S thỏa thuận lập hợp đồng cho vay tiền và cùng ký nhận. Nội dung hợp đồng cho vay tiền đề ngày 01/6/2016 là anh D cho anh S vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng tính từ ngày 01/6/2016 đến ngày 14/11/2016. Theo thỏa thuận, anh S phải trả góp toàn bộ số tiền trên trong 24 tuần, mỗi tuần góp 4.000.000 đồng, 04 tuần cuối góp mỗi tuần là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh S vi phạm thỏa thuận, không nộp đủ và đúng hạn tiền cho anh D, cụ thể:

- Ngày 13/6/2016 góp: 4.000.000 đồng
- Ngày 20/6/2016 góp: 4.000.000 đồng
- Ngày 05/7/2016 góp: 4.000.000 đồng
- Ngày 27/7/2016 góp: 3.000.000 đồng
- Ngày 12/08/2016 góp: 3.000.000 đồng

Tổng cộng, anh S đã trả góp được 18.000.000 đồng nhưng anh D trừ vào tiền anh S mượn cầm xe vào ngày 29/5/2016. Như vậy, anh S mới góp được 15.000.000 đồng. Đến hạn thỏa thuận, anh D nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng anh Nguyễn Phúc Chín S không có thiện chí, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Số tiền 100.000.000 đồng mà anh D cho anh S vay có nguồn gốc từ tiền vay Ngân hàng do anh D và vợ là chị Phan Thị Anh T đi vay. Nay, anh Vũ Ngọc kiều D yêu cầu anh Nguyễn Phúc Chín S phải trả cho vợ chồng anh số tiền còn nợ là 85.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất Ngân hàng tính từ ngày anh S trả góp lần cuối (tức ngày 12/8/2016) cho đến ngày Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn - anh Nguyễn Phúc Chín S trình bày:

Anh thừa nhận giữa anh và anh Vũ Ngọc Kiều D có thỏa thuận làm ăn chung với nhau là cho vay góp, tức ai hỏi vay tiền thì anh S lên nhà anh D lấy tiền và tiền lãi thì chia chung. Tuy nhiên, sau khi cả hai không còn làm ăn chung nữa thì hai bên thống nhất lập hợp đồng cho vay tiền. Anh thừa nhận có vay của anh Vũ Ngọc Kiều D, vay thành nhiều lần, tính tổng cộng là 90.000.000 đồng, nhưng anh D có lấy tiền lãi là 10.000.000 đồng phát sinh dựa trên số nợ gốc nên hợp đồng cho vay tiền đề ngày 01/6/2016 ghi số tiền cho vay giữa hai bên là 100.000.000 đồng. Anh S trình bày đã

trả cho anh D 15.000.000 đồng, còn nợ lại 75.000.000 đồng. Hiện nay, hoàn cảnh của anh S khó khăn, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên anh S không thể hứa trước việc trả nợ cho anh D.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Phan Thị Anh T trình bày:

Chị thống nhất với toàn bộ phần trình bày của anh D. Chị thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng anh D cho anh S vay là tài sản chung của vợ chồng do vợ chồng chị cùng vay nợ Ngân hàng. Chị T yêu cầu anh Nguyễn Phúc Chín S phải trả cho vợ chồng chị số tiền nợ 85.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Về thời hạn Tòa án ra thông báo cho nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí là hơn 04 tháng, không đúng và vi phạm theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc anh Nguyễn Phúc Chín S phải trả số tiền 85.000.000 đồng cho anh Vũ Ngọc Kiều D và chị Phan Thị Anh T và tính lãi suất theo mức ngân hàng quy định. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của anh Vũ Ngọc Kiều D yêu cầu ông Nguyễn Phúc Chín S phải trả số tiền 85.000.000 đồng là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Phúc Chín S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Anh Vũ Ngọc Kiều D có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc vắng mặt của anh D và anh S thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền vay còn nợ theo Hợp đồng cho vay tiền lập ngày 01/6/2016 có thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 01/6/2016 đến ngày 14/11/2016. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn, anh Vũ Ngọc Kiều D cung cấp cho Tòa án Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 01/6/2016, có chữ ký của anh D, bên cho vay và anh S. Nội dung hợp đồng ghi nhận là anh D cho anh S vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn kinh doanh, thời hạn vay là 6 tháng tính từ ngày 01/6/2016 đến 14/11/2016, trả tiền vay làm 24 tuần, thanh toán thành 24 lần, trong thời hạn vay, không tính lãi và anh D đã trả được 15.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Phúc Chín S thừa nhận nợ của anh D số tiền 90.000.000 đồng, anh D lấy lãi trên tiền gốc 90.000.000 đồng là 10.000.000 đồng nên khi lập hợp đồng cho vay tiền trên, cả hai thống nhất ghi số tiền vay là 100.000.000 đồng, anh S đã trả được 15.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ anh D số tiền là 75.000.000 đồng. Xét thấy giữa hai bên có giao kết hợp đồng vay tài sản và có hiệu lực pháp luật. Việc anh S cho rằng số tiền gốc cho vay 100.000.000 đồng đã bao gồm 10.000.000 đồng tiền lãi nhưng anh D không thừa nhận việc tính lãi và anh S không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến trình bày của mình nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận số tiền vay ghi trên hợp đồng ngày 01/6/2016 bao gồm cả lãi. Số tiền 100.000.000 đồng này là tài sản chung của vợ chồng anh D và chị T nên việc anh D, chị T yêu cầu anh Nguyễn Phúc Chín S trả cho vợ chồng anh số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tính theo lãi suất của ngân hàng nông nghiệp từ ngày anh S trả góp lần cuối (tức ngày 12/8/2016) cho đến ngày Tòa án xét xử là 16 tháng 23 ngày đối với số tiền 85.000.000 đồng. Căn cứ theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29.11.2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Do anh S không thực hiện đúng theo cam kết trả nợ nên anh S phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 1,125%/tháng. Thời gian tính lãi anh D yêu cầu là 16 tháng 23 ngày. Như vậy, tổng khoản tiền lãi anh Sinh phải trả cho anh D và chị T là: 503 ngày x 85.000.000 đồng x 1,125%/tháng : 30 ngày = 16.033.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi mà anh Nguyễn Phúc Chín S phải trả cho anh Vũ Ngọc Kiều D và chị Phan Thị Anh T số tiền 101.033.000 đồng là phù hợp.

Về án phí: Anh Nguyễn Phúc Chín S là bị đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 228, Điều 262, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 290, 471 và Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005;

- Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 về án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc anh Nguyễn Phúc Chín S phải trả cho anh Vũ Ngọc Kiều D và chị Phan Thị Anh T số tiền 101.033.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Phúc Chín S phải chịu 5.051.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Vũ Ngọc Kiều D số tiền 2.125.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010441 ngày 05.10.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành theo thời hạn đã thỏa thuận thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Vũ Ngọc Kiều D và anh Nguyễn Phúc Chín S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- THADS thị xã La Gi;
- UBND phường Tân An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGÔ THẾ ANH